

Số: 175/2025/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 19/2025/TLST-HN ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trương Trọng N, sinh năm 1992; địa chỉ: 2 T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Đỗ Trinh Thùy D, sinh năm 1992; địa chỉ: A Dũng Sĩ Thanh Khê T, T, quận T, Thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Trọng N và bà Đỗ Trinh Thùy D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 91/2012, Quyển số: 01/2012, đăng ký ngày 14/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Đ). Do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống, giữa ông N và bà D phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông N và bà D không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (Bản sao) số 302/GKS-BS ngày 01/8/2024 của Ủy ban nhân dân phường T (Giấy khai sinh số 27 đăng ký ngày 22/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Đà Nẵng); Giấy khai sinh (Bản sao) số 303/GKS-BS ngày 01/8/2024 của Ủy ban nhân dân phường T

(Giấy khai sinh số 71 đăng ký ngày 09/3/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Đà Nẵng; cùng xác nhận của ông N và bà D; ông bà có 02 (hai) con chung là trẻ Trương Đỗ Thùy L, giới tính N1, sinh ngày 19/12/2012 và trẻ Trương Đỗ Thùy T, giới tính N1, sinh ngày 06/01/2015.

Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Đỗ Trịnh Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bà D không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Trọng N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trương Trọng N và Đỗ Trịnh Thùy D xác nhận không có.

[4] Về lệ phí việc dân sự: Ông Trương Trọng N và Đỗ Trịnh Thùy D cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Trọng N và Đỗ Trịnh Thùy D thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 91/2012, Quyền số: 01/2012, đăng ký ngày 14/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Đ).

1.2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là trẻ Trương Đỗ Thùy L và trẻ Trương Đỗ Thùy T cho bà Đỗ Trịnh Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Trọng N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Trương Trọng N và bà Đỗ Trịnh Thùy D tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037022 ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N và bà D đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS, (TK.Thu).

THẨM PHÁN

Lê Thuận Phong